

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2021

Về việc tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc A.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Vĩnh L.

2. Bà Nguyễn Ngọc N.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXX-ST, ngày 18 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1985

Nơi cư trú: ấp Nguyễn K, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm: 1980

Nơi cư trú: ấp Nguyễn K, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng về nội dung vụ án như sau:

Bà N và ông H kết hôn với nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A vào ngày 15/10/2004. Bà N và ông H chung sống với nhau hạnh phúc trong thời gian đầu. Đến thời gian gần đây giữa bà N và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, giữa vợ chồng không hòa thuận, cuộc sống

vợ chồng không có hạnh phúc. Bà N xác định không còn chịu đựng được nữa nên xin ly hôn với ông H.

Về con chung: bà N và ông H có 02 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 08/12/2011 và Lê Quốc K, sinh ngày 04/01/2021. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Quốc K và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lê Văn H: ông H đã vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có văn bản thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn.

Bị đơn: vắng mặt nên không thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: ông Lê Văn H đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên đã đủ điều kiện xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà N và ông H kết hôn với nhau năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A, vào sổ đăng ký kết hôn số 73 quyển số 01, ngày 15/10/2004 nên quan hệ hôn nhân của bà N với ông H là hôn nhân hợp pháp.

Bà N trình bày cụ thể tại phiên tòa giữa bà và ông H đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài, ông H thường xuyên đánh đập bà, sự việc đã được gia đình, cha mẹ hai bên giải quyết, vì muốn con có đầy đủ cha mẹ nên bà đã nhiều lần nhẫn nhịn,

tạo cơ hội cho ông H sửa đổi nhiều lần. Tuy nhiên, sau đó ông H vẫn không thay đổi nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông H.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống giữa bà N và ông H không có hạnh phúc, giữa vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà N, ông H không có ý kiến, yêu cầu gì. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông H có 02 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 08/12/2011 và Lê Quốc K, sinh ngày 04/01/2021. Bà N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K do cháu K còn nhỏ. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Khi bà N và ông H không còn sống chung với nhau, bà N trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, ông H trực tiếp nuôi dưỡng cháu V cho đến nay. Xét thấy cháu K sinh ngày 04/01/2021, dưới 36 tháng tuổi nên cần chấp nhận yêu cầu của bà N về việc giao bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Về phía cháu V, cháu V do ông H trực tiếp nuôi dưỡng và đang sống cùng cha và ông bà nội, cháu đã đi học tại xã Hậu Thạnh T. Bà N đang đi làm xa không thuận tiện việc học của cháu V, hơn nữa hiện bà N đang nuôi dưỡng cháu K. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Cháu V có văn bản trình bày nguyện sống với cha. Do đó, khi ly hôn, bà N được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Quốc K, sinh ngày 04/01/2021. Ông H được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 08/12/2011. Bà N và ông H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung: bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H không có ý kiến nên không đề cập.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lê Văn H

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Lê Quốc K, sinh ngày 04/01/2021. Ông Lê Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 08/12/2011.

Sau khi ly hôn, bà N và ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0004026, ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Long A;
- VKS huyện Tân T;
- CC.THA huyện Tân T;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc A

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Nơi nhận